TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2020
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Ông Võ Ngọc Bột

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm: 1986, địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (Vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Tấn D, sinh năm: 1972, địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thu H trình bày: Bà H và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 04/10/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phạm H, sinh ngày 13/3/2011 và Phạm Hoàng Bảo T, sinh ngày 19/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng gần 01 năm trở lại đây bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D thay đổi tính tình, ông D không quan tâm vợ

con, mê cờ bạc, đá gà dẫn đến thiếu nợ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông D có hành vi hành hung đánh bà H, ngoài ra bà H nghi ngờ ông D còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện nay, bà H nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Tấn D trình bày:* Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống đúng như bà H đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Phạm H, sinh ngày 13/3/2011 và Phạm Hoàng Bảo T, sinh ngày 19/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn chỉ phát sinh thời gian gần đây, thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau, do cãi nhau nên ông D có đánh bà H vài cái. Ông D nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông D yêu cầu được nuôi 01 con chung, bà H nuôi 01 con chung, không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hoàng Thị Thu H và ông Phạm Tấn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 04/10/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với bị đơn ông Phạm Tấn D cư trú tại xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt tất cả các đương sự: Xét thấy bà Hoàng Thị Thu H và ông Phạm Tấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ

khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy tại phiên hòa giải, bà H và ông D đã thống nhất thuận tình ly hôn. Sau khi hòa giải cho đến ngày mở phiên tòa xét xử, bà H và ông D không thay đổi ý kiến khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông D.

[4] Về con chung:

Bà H và ông D thống nhất có 02 con chung tên Phạm H, sinh ngày 13/3/2011 và Phạm Hoàng Bảo T, sinh ngày 19/3/2016. Trong quá trình giải quyết, bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng, ông D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 01 con chung, bà H nuôi dưỡng 01 con chung và không ai phải cấp dưỡng.

Xét thấy:

Đối với cháu Phạm H, theo văn bản thể hiện ý kiến ngày 12/6/2020 và ngày 01/07/2020, cháu Hoàng có nguyện vọng sống với mẹ và bà H có đủ điều kiện về kinh tế, chổ ở, nơi học hành để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H nên Hội đồng xét xử thấy rằng giao cho bà H là mẹ để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H là phù hợp với nguyện vọng của cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu H.

Đối với cháu Phạm Hoàng Bảo T, xét thấy cháu T hiện nay còn nhỏ (chưa được 05 tuổi) nên cần sự chăm sóc, sự chu đáo của người mẹ, ngoài ra cháu H và cháu T đã cùng nhau sống chung từ nhỏ, tỉnh cảm anh em gắn bó nên cháu H và cháu T cần tiếp tục được sống chung với nhau để đảm bảo tình cảm anh em, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu, không nên chia cách cháu H và cháu T.

Ông D có yêu cầu nuôi 01 con chung nhưng không nêu rõ yêu cầu nuôi con chung nào. Xét thấy, ông D vắng mặt tại các phiên tòa xét xử và không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con của mình nên có thể thấy rằng ông D không thật sự quyết liệt trong việc tranh chấp quyền nuôi con với bà H vì ông D biết rằng nguyện vọng của con chung là muốn sống với mẹ và con chung sống với mẹ sẽ được chăm sóc tốt hơn. Ngoài ra ông D trình bày hiện nay ông đi làm thuê nhiều nơi, nhiều công việc và ông D đang sống chung với 02 con riêng nên ông D không đảm bảo đủ thời gian, điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Từ những phân tích đánh giá như trên, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng giao cho bà H là mẹ để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Ông Phạm Tấn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu H đối với ông Phạm Tấn D.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị Thu H với ông Phạm Tấn D.

- Về con chung: Bà Hoàng Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm H, sinh ngày 13/3/2011 và Phạm Hoàng Bảo T, sinh ngày 19/3/2016. Ông Phạm Tấn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Tấn D có nghĩa vụ giao các con chung cho bà Hoàng Thị Thu H nuôi dưỡng, chăm sóc.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003157 ngày 23/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã T, huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng